

Bản án số: 775/2023/HS-PT
Ngày: 13/9/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Hiếu
Thẩm phán: Ông Hoàng Văn Thành
Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Nhã
- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Minh Chính – Thư ký Toà án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 13/09/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 486/2023/TLPT-HS ngày 03 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án hình sự ra xét xử phúc thẩm số 498/2023/QĐXXPT-HS ngày 20/07/2023 đối với bị cáo Nguyễn Thị B do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 106/2023/HS-ST ngày 18/05/2023 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Thị B (Tên gọi khác: Nguyễn Thị B), sinh năm 1959; Đăng ký thường trú: Tổ dân phố số X, MTT, phường MT, quận NTL, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao Động tự do; Trình Đ văn hóa: 7/10; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Khoa B (Đã chết); Con bà Ngô Thị Thân B (Đã chết); Chồng là Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1957; Bị cáo có 3 con, con lớn sinh năm 1982, con nhỏ sinh năm 1988; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Luật sư Công ty Luật TNHH Trường Lộc - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

- Bị hại không kháng cáo: Ông Đào Công G, sinh năm 1959; Đăng ký thường trú: Tổ X, phường XP, quận Nam TL, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo uỷ quyền của ông Đào Công G là ông Nguyễn Chí B, sinh năm 1982; Địa chỉ: Khu X - thị trấn TT, huyện HĐ, thành phố Hà Nội. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Bảo A, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số X, ngõ Y phố TL, phường TL, quận TH, thành phố. Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/5/2008, Ủy ban nhân dân huyện Từ Liêm cấp Giấy chứng nhận số AM 301478 cho Nguyễn Thị B (B) tại thửa đất số 131(1) tờ bản đồ số 22, diện tích 55,7m, xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, Hà Nội. Nguyễn Thị B cùng gia đình đã sinh sống tại thửa đất trên, nay là địa chỉ: Số nhà X, tổ dân phố số Y, MTT, phường MT, quận NTL, thành phố Hà Nội. Năm 2008, Nguyễn Thị B và chồng là Nguyễn Đình Đ thể chấp căn nhà để vay số tiền 2,2 tỷ đồng tại Ngân hàng Sài Gòn Công Thương chi nhánh Ba Đình, Hà Nội. Ông Đ và Nguyễn Thị B làm 03 hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ với Ngân hàng:

Hợp đồng thứ nhất: Vay 200.000.000 đồng, hết hạn trả nợ gốc và lãi ngày 19/10/2012;

Hợp đồng thứ hai: Vay 200.000.000 đồng, hết hạn trả nợ gốc và lãi ngày 04/3/2013;

Hợp đồng thứ ba: Vay 1,8 tỷ đồng, hết hạn trả nợ gốc và lãi ngày 03/7/2013. Sau khi hết hạn trả nợ, vợ chồng Nguyễn Thị B không thanh toán trả nợ cho Ngân hàng Sài Gòn Công Thương nên ngày 12/10/2013, Ngân hàng đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm để đòi nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Quá trình giải quyết đơn khởi kiện của Ngân hàng Sài Gòn Công Thương, ngày 07/8/2014 Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm đã xét xử ban hành Bản án số 06/2014/KDTM-ST ngày 07/8/2014 chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu đòi nợ tín dụng của Ngân hàng. Sau khi án có hiệu lực pháp luật, ông Phạm Quang Dũng đại diện ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Công Thương có đơn yêu cầu thi hành án. Ngày 05/5/2015, Chi cục trưởng Chi cục thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm đã ban hành Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 549/QĐ-CCTHA, khoản phải thi hành:

Buộc ông Nguyễn Đình Đ, bà Nguyễn Thị B phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương tổng số tiền là 3.096.063.440 đồng (Ba tỷ không trăm chín mươi sáu triệu, không trăm sáu mươi ba ngàn, bốn trăm bốn mươi đồng). Nếu ông Đ, bà B không trả hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng công thương có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên phát mại tài sản đảm bảo của các khoản vay nói trên là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 131 (1), tờ bản đồ số 22, diện tích 55,7m, xã Mỹ Trì, Từ Liêm, Hà Nội.

Quá trình thi hành án, Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm đã thực hiện việc đôn đốc, vận Đng thuyết phục tự nguyện thi hành án nhưng không đạt kết quả. Để giải quyết việc thi hành án, ngày 05/01/2016, Chấp hành viên đã ban hành Quyết định Cường chế số 05/QĐ- CCTHA về việc kê biên

quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Nguyễn Đình Đ, Nguyễn Thị B; Tài sản kê biên, xử lý là thửa đất số 131 (1), tờ bản đồ số 22, diện tích 55,7m² tại xóm 5 Thượng, xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm (Nay là nhà đất số 113, tổ dân phố số 2 Mỹ Trì Thượng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội). Sau khi tổ chức kê biên, các bên đương sự không thỏa thuận được, Chấp hành viên tiến hành các trình tự, thủ tục về thẩm định giá, bán đấu giá tài sản theo quy định. Ngày 29/5/2017, Công ty cổ phần đấu giá Toàn Cầu đã tổ chức bán đấu giá thành công, ông Đào Công G là người mua trúng đấu giá tài sản với giá 2.041.973.974 đồng (Hai tỷ không trăm bốn mươi một triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi tư đồng).

Ngày 16/5/2018, Chi cục thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm phối hợp chính quyền địa phương tiến hành cưỡng chế thu hồi nhà đất trên và bàn giao cho ông Đào Công G. Thời điểm đó, Nguyễn Thị B bị ngất nên được đưa đến Bệnh viện 198 – Bộ Công an. Ngay sau khi cưỡng chế xong, ông G và cháu là Nguyễn Chí B (Sinh năm 1982, Hộ khẩu thường trú: Trạm Trôi, Hoài Đức, Hà Nội) đã dọn đồ vào ở tại nhà trên. Đến khoảng 14h00 cùng ngày, ông G và anh Bình khóa cửa đi ra ngoài có việc riêng thì Nguyễn Thị B đi về thấy toàn bộ việc cưỡng chế đã xong, cửa nhà bị khóa bên ngoài, không có chỗ ở nên tìm cách phá khóa cửa vào nhà. Sau đó, Bi đã đi ra khu vực Đình làng thấy có một cái cửa cũ gỉ để ở góc đa, Bi đã nhặt chiếc cửa, quay về cửa khóa cửa của căn nhà đã bị cưỡng chế, Nguyễn Thị B cửa trong khoảng thời gian 02 tiếng thì cắt được khóa cửa và đưa gia đình cùng toàn bộ tài sản quay lại căn nhà để ở. Sau đó, ông Đào Công G đã trình báo Công an quận Nam Từ Liêm.

Ngày 28/9/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP333018 (Giấy chứng nhận này được cấp lại từ GCN số AM 301478) cho ông Đào Công G và vợ là bà Trọng Hải X đối với nhà đất số X, tổ dân phố số Y MTT, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội do mua tài sản bán đấu giá theo hợp đồng mua bán tài sản đấu giá.

Ngày 16/12/2019, ông Đào Công G có mặt tại nhà đất số 113 thì thấy khóa cửa, gọi điện cho Nguyễn Thị B nhưng không được nên ông G đã mời Công ty Thừa phát lại Hai Bà Trưng lập vi bằng chứng kiến việc mở cửa và niêm phong các tài sản trong nhà, sau đó yêu cầu gia đình Bi di dời tài sản ra ngoài nhưng gia đình Nguyễn Thị B không thực hiện. Ông G đã cho Công ty cổ phần Đồng Đi Tây Trường Sơn thuê làm văn phòng ở tầng 1, còn ông G và anh Bình vẫn ở, sinh hoạt các tầng còn lại (Từ tầng 2 đến tầng 5). Ngày 27/12/2019, Nguyễn Thị B tiếp tục cắt khóa vào nhà, đuổi hai người đang thuê nhà ra khỏi nhà và cùng gia đình quay lại ở căn nhà trên cho đến nay. Ông G tiếp tục trình báo Công an phường Mỹ Trì, Công an quận Nam Từ Liêm sự việc trên.

Đến thời điểm tháng 4/2022, do không được gia đình Nguyễn Thị B bàn giao trả lại nhà đất, tiền mua nhà đất ông G phải đi vay nên ông G đã chuyển nhượng lại nhà đất trên cho chị Nguyễn Bảo A (Sinh năm 1993, nơi ở: X ngõ Y phố TL, phường TL, TH, Hà Nội) với thỏa thuận ông G sẽ lo toàn bộ chi phí, thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi bàn giao nhà đất xong thì mới thanh toán đầy đủ tiền. Ngày 16/5/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 788281 đối với nhà đất trên cho chị Nguyễn Bảo A theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông G và chị Nguyễn Bảo A.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị B khai nhận hành vi phạm tội và thừa nhận hành vi cất khóa cửa là vi phạm pháp luật nhưng do Bi và gia đình không có chỗ ở nên hành Động như vậy. Nguyễn Thị B yêu cầu làm rõ việc thi hành án không đúng quy trình và có lợi ích nhóm dẫn đến Bi và gia đình bị cưỡng chế nhà, không được tạo điều kiện để chuộc lại căn nhà trên.

Căn cứ tài liệu xác minh tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội xác định: Quá trình thực hiện việc thi hành án do không tự nguyện thi hành án nên ông Đ, Bi không ký bất kỳ biên bản nào về thi hành án hoặc các biên bản có liên quan, do đó Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm đã thực hiện việc cưỡng chế kê biên, cưỡng chế giao tài sản và các hoạt Động khác nhằm thực hiện quyết định của Bản án, quyết định thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/5/2018, Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm đã ban hành Thông báo số 136/TB/CCTHADS về việc: Nhận tiền thuê nhà, đã tổng đạt cho ông Đ, Bi với nội dung yêu cầu ông Đ, Bi có mặt ngày 29/5/2018 để nhận tiền thuê nhà theo quy định. Do ông Đ, Bi không đến nhận tiền thuê nhà theo quy định nên ngày 27/7/2018, Chấp hành viên đã ban hành Thông báo số 202/TB/CCTHADS về việc ông Đ, Bi được nhận số tiền thuê nhà là 10.000.000 đồng/1 tháng (Thời hạn là 01 năm) và yêu cầu ông Đ, bà B đến nhận số tiền trên. Tuy nhiên, ông Đ, Bi không đến nhận. Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm đã gửi tiết kiệm kỳ hạn 01 tháng đối với số tiền thuê nhà là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Ngày 27/12/2018, Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội đã ra Quyết định giải quyết khiếu nại số 16: Không chấp nhận đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị B liên quan đến khiếu nại chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm không thông báo trong quá trình tổ chức bán đấu giá tài sản làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông Đ, bà B. Quyết định xác định Chấp hành viên đã tuân thủ đúng quy định pháp luật thi hành án dân sự.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra tiến hành xác minh căn nhà số 113 xác định có

06 người đang ở và sinh hoạt gồm: Nguyễn Thị B, chồng (Ông Nguyễn Đình Đ), hai vợ chồng con trai, con dâu là (Nguyễn Đình An, Đào Thị Hương), 02 con của anh Nguyễn Đình An, chị Đào Thị Hương là (Nguyễn Thị An Bình, Nguyễn Đình Tuấn Phong). Cơ quan điều tra tiến hành triệu tập ông Nguyễn Đình Đ, Nguyễn Đình An, Đào Thị Hương để làm rõ việc ở cùng Nguyễn Thị B tại căn nhà số 113, tuy nhiên An và Hương không đến làm việc. Nguyễn Đình An có đơn ngày 27/12/2022 trình bày về việc không liên quan đến tranh chấp ngôi nhà. Việc vợ, chồng An và các con đang sinh sống tại ngôi nhà do An là con trai duy nhất trong nhà, có trách nhiệm, bốn phần chăm sóc, phụng dưỡng bố mẹ. Căn cứ tài liệu điều tra, Cơ quan điều tra xét hành vi của ông Nguyễn Đình Đ và anh Nguyễn Đình A, chị Đào Thị H có mức độ, không đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên không xem xét việc xử lý đối với ông Nguyễn Đình Đ, anh Nguyễn Đình A, chị Đào Thị H.

Cơ quan điều tra đã tiến hành rà soát, xác minh đối với thông tin những người đã thuê nhà của ông Đào Công G tuy nhiên không thu thập được hợp đồng thuê nhà, không xác định được ai là người có mặt tại thời điểm xảy ra sự việc.

Về dân sự: Đại diện theo uỷ quyền của bị hại anh Nguyễn Chí B không yêu cầu bị cáo phải bồi thường các khoản tiền về nhà, đề nghị Toà án buộc bị cáo Nguyễn Thị B và những người có nghĩa vụ liên quan phải trả lại nhà đất số X tổ dân phố số Y, MTT, phường MT, quận NTL, thành phố Hà Nội cho ông G để ông G bàn giao cho chị Nguyễn Bảo A và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Chị Nguyễn Bảo A không có đề nghị gì về dân sự.

Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Thị B thừa nhận hành vi phạm tội của mình tuy nhiên không khắc phục vi phạm.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 106/2023/HS-ST ngày 18/05/2023 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội đã áp dụng điểm c khoản 2 Điều 158; Điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B (Nguyễn Thị B) 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Xâm phạm chỗ ở của người khác”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngày 29/05/2023, bị cáo Nguyễn Thị B có đơn kháng cáo cho rằng mình không cố ý phạm tội, nếu xác định bị cáo phạm tội thì xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về tố tụng, các cơ quan và người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định bị cáo Nguyễn Thị B có đơn kháng cáo là hợp lệ đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ các Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo về hình thức.

Về tội danh và hình phạt: Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà

Nội đã đánh giá toàn diện tính chất, mức Đ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, áp dụng điểm c khoản 2 Điều 158; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Xâm phạm chỗ ở của người khác” là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết mới nên Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

Trong vụ án, còn có chồng của bị cáo là ông Nguyễn Đình Đ cũng đã ký kết hợp đồng vay và thế chấp nhà, ông Đ cùng con trai và con dâu của bị cáo cùng vào sinh sống trong nhà của ông G đã được đấu giá hợp pháp là có dấu hiệu vi phạm pháp luật, cần phải có biện pháp xử lý với những người này.

- Bị cáo công nhận có thực hiện hành vi dùng cưa để cắt cửa vào nhà ngày 16/5/2018 và ngày 27/12/2019, do bị cáo tin vào văn bản cung cấp thông tin của Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội vẫn ghi tên bị cáo nên cho rằng nhà đất vẫn thuộc sở hữu của mình. Mặt khác, hoàn cảnh của bị cáo thời điểm đó chưa có chỗ ở mới nên mới có hành vi cắt khóa vào nhà. Bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo với các lý do: Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo có chồng là thương binh, có bố và các anh trai là người có công cách mạng được tặng thưởng Huân, huy chương. Bản thân bị cáo tuổi già, bị bệnh suy tim. Tại cấp sơ thẩm, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm cũng đề nghị cho bị cáo hưởng án treo nhưng Tòa án sơ thẩm vẫn tuyên phạt bị cáo tù giam.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo vắng mặt và gửi văn bản bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm: Đối với tội phạm xâm phạm chỗ ở của công dân được thực hiện do lỗi cố ý, nhưng về mặt chủ quan bị cáo cho rằng mình vào nhà của mình để ở là đúng pháp luật. Bị cáo vẫn tin tưởng vào bản cung cấp thông tin của Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh quận Nam Từ Liêm ghi tên của mình nên nghĩ là nhà đất vẫn thuộc sở hữu của mình. Do đó, việc khởi tố, truy tố, xét xử là oan cho bị cáo.

- Đại diện bị hại đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Yêu cầu bị cáo trả lại nhà theo quyết định của bản án đã tuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm vụ án, các Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; không ai có ý kiến thắc mắc, khiếu nại gì. Sau

khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định bị cáo có kháng cáo là hợp lệ, được chấp nhận về hình thức.

Về sự vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Xét thấy Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, hồ sơ tài liệu đã có đầy đủ các lời khai, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về tội danh, hình phạt:

Luật sư bào chữa cho bị cáo nhận định bị cáo không phạm tội với lý do: Căn cứ văn bản của Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh quận Nam Từ Liêm số 1069/CNQNTL ngày 26/6/2019 và văn bản số 31/CNQNTL ngày 06/1/2020 “về việc cung cấp thông tin đất đai” vẫn ghi tên bị cáo là chủ sở hữu từ năm 2008, do đó nhận thức của bị cáo tin tưởng nhà đất vẫn thuộc sở hữu của mình, bị cáo cất khóa cửa vào ở là vào nhà của mình.

Hội đồng xét xử nhận định quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo không có cơ sở chấp nhận:

Thứ nhất, tại Văn bản số 1924/CNQNTL ngày 22/8/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh quận Nam Từ Liêm “Về việc phúc đáp Văn bản số 2476/CQĐT(ĐTTH) ngày 15/6/2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an quận Nam Từ Liêm” phúc đáp: “Do sơ suất trong quá trình cập nhật và cung cấp thông tin, dẫn đến việc cung cấp thông tin theo bản lưu giấy chứng nhận do UBND huyện Từ Liêm cấp năm 2008 cho bà Nguyễn Thị B tại văn bản số 1069/CNQNTL ngày 26/6/2019 của Chi nhánh Văn phòng là chưa xác thực”. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội đã đính chính lại: “Thửa đất số 113 (1), tờ bản đồ số 22, diện tích đất 55,7m² tại số nhà X, tổ dân phố số Y MTT, phường MT, quận NTL đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp Giấy chứng nhận số CP333018 cho ông Đào Công G và vợ là bà Trọng Hải X. Luật sư viện dẫn văn bản này để chứng minh ý chí, nhận thức của bị cáo cho rằng bị cáo vẫn là chủ sở hữu nhà đất là không có căn cứ.

Thứ hai, quá trình thi hành án, Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm đã thực hiện việc đôn đốc, vận động, thuyết phục bị cáo tự nguyện thi hành án nhưng không đạt kết quả nên Cơ quan thi hành án đã thực hiện cưỡng chế kê biên, phát mại tài sản bảo đảm. Toàn bộ quá trình tổ chức thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm đã đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Bị cáo có đầy đủ năng lực nhận thức nhà đất của bị cáo là tài sản bảo đảm, đã được kê biên, phát mại, bán đấu giá thành công cho ông Đào Công G. Ngày 16/5/2018, Chi cục thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm phối hợp chính

quyền địa phương tiến hành cưỡng chế thu hồi nhà đất trên và bàn giao cho ông Đào Công G.

Tuy nhiên, vào hồi 14 giờ, ngày 16/5/2018 bị cáo Nguyễn Thị B đã dùng cưa cắt khóa cửa và đưa gia đình cùng toàn bộ tài sản quay lại căn nhà để ở. Ngày 27/12/2019, bị cáo tiếp tục cắt khóa vào nhà và cùng gia đình quay lại ở căn nhà trên cho đến nay.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị B đều công nhận đã thực hiện hành vi dùng cưa để cắt cửa vào nhà và thừa nhận hành vi cắt khóa cửa là vi phạm pháp luật nhưng do bị cáo và gia đình không có chỗ ở nên hành động như vậy.

Căn cứ lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, đối chiếu với lời khai của bị hại và những người liên quan; Căn cứ các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Ngày 16/5/2018 và ngày 27/12/2019, bị cáo Nguyễn Thị B đã có hành vi dùng cưa cắt khóa cửa và chiếm giữ trái phép ở ngôi nhà số 113, tổ dân phố số 2 Mễ Trì Thượng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm của ông Đào Công G là chủ sở hữu hợp pháp do mua tài sản bán đấu giá theo hợp đồng mua bán tài sản đấu giá.

Bản án hình sự sơ thẩm số 106/2023/HS-ST ngày 18/05/2023 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội đã áp dụng điểm c khoản 2 Điều 158 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị B (Nguyễn Thị B) phạm tội “Xâm phạm chỗ ở của người khác” là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 12 (Mười hai) tháng tù là phù hợp.

[3] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo:

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chỗ ở của công dân, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại. Tuy nhiên, xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai nhận các hành vi khách quan về thời gian, địa điểm, số lần cắt khóa cửa, phương tiện cắt khóa. Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do bị cáo và gia đình không có chỗ ở. Xét thấy bị cáo nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự; Đại diện bị hại có đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Bị cáo sinh năm 1959 là người cao tuổi; Gia đình đang lâm vào hoàn cảnh khó khăn, bản thân bị cáo đang mắc bệnh suy tim, thấp khớp. Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Với nguyên tắc nhân đạo, khoan hồng của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy cần cho bị cáo có cơ hội tự nguyện chấp hành pháp luật, bàn giao lại nhà đất cho

ông Đào Công G và di dời ra khỏi nhà để ông Đào Công G bàn giao lại nhà đất cho chị Nguyễn Bảo A. Quá trình bị cáo cải tạo ngoài xã hội nếu không chấp hành tốt quy định pháp luật thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và ấn định thời gian thử thách, để bị cáo được cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

Sau khi bị cáo bàn giao lại nhà đất, trường hợp bị cáo vẫn cư trú trong phạm vi phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội thì bị cáo phải chịu sự giám sát, giáo dục của Ủy ban nhân dân phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội trong thời gian thử thách của án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

[4] Về án phí: Kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 106/2023/HS-ST ngày 18/05/2023 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo hướng giữ nguyên hình phạt tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, cụ thể:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị B** (Nguyễn Thị B) phạm tội “Xâm phạm chỗ ở của người khác”. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 158; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B (Nguyễn Thị B) 12 (Mười hai) tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 13/9/2023.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trong thời gian thử thách của án treo bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì

Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Về hiệu lực bản án: Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- CQCSĐT quận Nam Từ Liêm;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- TAND quận Nam Từ Liêm;
- CQTHADS quận Nam Từ Liêm;
- UBND P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu Hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Đức Hiếu